

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 46/2024/HSPT

Ngày: 26/8/2024.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nam.

Ông Cao Việt Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Bình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Đỗ Hữu S và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T và Nguyễn Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Hữu S, sinh năm 1973.

HKTT: Thôn Đồng N, xã Ngũ T, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên Bí thư Chi bộ thôn Đồng Ngư); Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu H (đã chết) và bà Dương Thị C, sinh năm 1937; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là thứ 4; vợ là Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1977; có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình Q, sinh năm 1962.

HKTT: Thôn Đồng N, xã Ngũ T, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên Trưởng thôn Đồng Ngư); Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1935; gia đình có 06

anh chị em, bị cáo là thứ 2; vợ là Trương Thị H2, sinh năm 1965; có 03 con, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

3. Dương Anh T, sinh năm 1976.

HKTT: Thôn Đồng N, xã Ngũ T, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do (nguyên Kế toán thôn Đồng Nư); Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T3, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1944; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ 3; vợ là Nguyễn Thị D (tức C1), sinh năm 1981; có 03 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

4. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956.

HKTT: Thôn Đồng N, xã Ngũ T, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Làm ruộng (nguyên Thủ quỹ thôn Đồng Nư); dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công S1) và bà Nguyễn Thị K (đều đã chết); gia đình có 04 chị em, bị cáo là thứ nhất; chồng là Nguyễn Thành L1 (đã chết); có 04 con, lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T, Nguyễn Thị T1: Ông Dương Quang H3 - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đồng bào Việt - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 240, Hàng Bông, Phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Bị hại: UBND thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh do ông Nguyễn Xuân Đ-
Chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã Thuận Thành đại diện theo pháp luật.
(vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh do ông Nguyễn Viết S2 - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

2. Ban quản lý thôn Đồng Nư, xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành do ông Man Kim U- Chức vụ Trưởng thôn Đồng Nư đại diện (vắng mặt).

Trong vụ án còn có 60 bị hại nhưng không kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của Ban quản lý (BQL) thôn Đồng Ngu, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành:

1. Giai đoạn năm 2006 đến hết tháng 01/2007:

Đỗ Hữu S giữ chức vụ Bí thư chi bộ thôn Đồng Ngu từ năm 2006 đến hết tháng 01/2007. Ban quản lý thôn Đồng Ngu gồm: Nguyễn Tiến H4, giữ chức vụ Trưởng thôn từ 2005 đến tháng 1/2007; Dương Anh T - kế toán thôn từ năm 2006 đến hết tháng 01/2007; Nguyễn Đức L - thủ quỹ thôn từ năm 2006 đến hết tháng 03/2007.

Ông Lê Xuân H5, giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Ngũ Thái từ năm 2006 đến tháng 5/2010; ông Nguyễn Danh C, giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã Ngũ Thái từ tháng 6/2010 đến năm 2013; ông Nguyễn Hữu A - kế toán xã từ năm 2006 đến tháng 11/2010; ông Nguyễn Kim A1 - kế toán xã từ tháng 11/2010 đến nay; ông Nguyễn Đạt T2 - thủ quỹ xã từ năm 2002 đến nay; ông Nguyễn Đăng T3 - cán bộ địa chính xã từ năm 2006 đến năm 2009.

Hành vi giao, bán thừa diện tích theo Quyết định 591/QĐ -CT ngày 14/7/2006 của UBND huyện Thuận Thành:

Do biết được chủ trương UBND huyện Thuận Thành sẽ giao đất cho một số hộ dân trên địa bàn xã Ngũ Thái trong đó có thôn Đồng Ngu, nên tháng 5/2006, BQL thôn Đồng Ngu đã tạm thu số tiền mua đất của 05 hộ dân trong thôn, sau đó tự đo đạc, chia diện tích đất nông nghiệp thuộc các thửa đất số 258, 302, 303 và 1 phần thửa đất số 304 đều thuộc tờ bản đồ số 5 thôn Đồng Ngu thành 26 lô đất, mỗi lô có diện tích $4,5m \times 20m = 90m^2$ và thực hiện việc giao, bán trái thẩm quyền 21 lô đất cho 14 hộ dân, mỗi lô đất giá 100.000.000 đồng.

Ngày 14/9/2006, Chủ tịch UBND huyện Thuận Thành ra Quyết định số 591/QĐ-CT “Về việc giao đất ở cho xã Ngũ Thái”. Cụ thể: Thôn Đồng Ngu có 23 hộ dân được giao đất với tổng diện tích $1.913,6m^2$ theo đơn giá 294.000đ/ m^2 ; 23 hộ dân mỗi hộ dân được giao 01 lô đất, mỗi lô đất có diện tích $4,5m \times 18,5m = 83,2m^2$, số tiền mỗi hộ dân phải nộp là 24.460.800đ/01 lô. Diện tích 23 lô đất được UBND huyện Thuận Thành giao nằm trong diện tích các thửa đất 258, 302, 303, 304 mà BQL thôn đã bán cho các hộ dân trong thôn.

Thực hiện QĐ số 591, UBND xã Ngũ Thái thực hiện việc giao đất cho thôn Đồng Ngu thì phát hiện BQL thôn đã bán 21 lô đất nằm trong diện tích được giao nên UBND xã không thực hiện được việc giao đất. UBND xã không có biện pháp xử lý việc BQL thôn giao, bán 21 lô đất với diện tích, giá tiền lớn hơn QĐ 591 mà yêu cầu BQL thôn giao tiếp 02 lô đất còn lại theo QĐ số 591. Việc giao đất và thu tiền do BQL thôn thực hiện.

Năm 2007, do một số hộ dân mua đất của BQL thôn (do Nguyễn Tiến H4 tại thời điểm đó là trưởng thôn) chưa nộp hết tiền mua đất nên BQL thôn do

Nguyễn Đình Q (là người kế nhiệm chức vụ trưởng thôn sau Nguyễn Tiến H4) tiếp tục thu của 06 hộ dân số tiền 122.667.000 đồng và UBND xã trực tiếp thực hiện việc thu 177.000.000 đồng. Tổng số tiền thôn thu là 2.121.667.000 đồng.

Số tiền thu được, BQL thôn đã nộp cho UBND xã 521.000.000 đồng (thiếu 41.598.400 đồng theo QĐ 591), số tiền còn lại đã được nhập sổ quỹ tiền mặt của thôn và chi xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương. Xác định không có tư lợi cá nhân.

Theo QĐ số 591 thì số tiền UBND xã phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền là 906.027.420 đồng. Ngày 09/1/2007, UBND xã nộp số tiền 500.000.000 đồng và ngày 31/1/2007 nộp số tiền 406.027.420 đồng tại Kho bạc Nhà nước huyện Thuận Thành. Tổng số tiền UBND xã đã nộp là 906.027.420 đồng, trong đó 23 lô đất thôn Đồng Ngư giao cho các hộ dân theo QĐ 591 là 562.598.400 đồng. Xác định không có tư lợi cá nhân.

Căn cứ Công văn số 210 ngày 29/11/2022 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành; QĐ số 591/QĐ-CT ngày 14/9/2006 của UBND huyện Thuận Thành xác định: Năm 2006, BQL thôn Đồng Ngư giao, bán 23 lô đất, mỗi lô diện tích 90m² cho 16 hộ dân đã giao, bán thừa mỗi lô đất 6,8m², tổng diện tích đất mà BQL thôn đã giao, bán thừa là 156,4m² gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 156,4m² x 294.000đ/m² (giá đất theo QĐ số 591) = 45.981.600 đồng. Hiện 23 lô đất trên chưa được cấp GCNQSDĐ. (Căn cứ Công văn số 210 xác định 23 lô đất trên đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

- Những cá nhân phải chịu trách nhiệm về số thiệt hại nêu trên gồm: Nguyễn Tiến H4, Dương Anh T, Nguyễn Đức L, Lê Xuân H5, Nguyễn Hữu A, Nguyễn Đạt T2.

- Đối với Đỗ Hữu S với vai trò Bí thư chi bộ không chỉ đạo gì về việc bán đất, không biết chủ trương, diện tích, vị trí đất giao bán, không tham gia vào việc bán đất; Nguyễn Đình Q, do là trưởng thôn giai đoạn sau nên không biết việc BQL thôn giao thừa diện tích đất theo QĐ số 591 do vậy Đỗ Hữu S và Nguyễn Đình Q không phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại nêu trên.

Hành vi giao, bán 03 lô đất nằm ngoài QĐ 591/QĐ -CT ngày 14/7/2006 của UBND huyện Thuận Thành:

Tháng 01/2007, BQL thôn Đồng Ngư do Nguyễn Tiến Hoà giữ chức vụ Trưởng thôn đã giao, bán đất trái thẩm quyền 03 lô đất (nằm ngoài QĐ số 591 của UBND huyện Thuận Thành) cho 03 hộ dân gồm: Nguyễn Bá Bi: 02 lô; Nguyễn Thị Chúc và Hoàng Ngọc Tuấn mua chung 01 lô nhưng không lập biên bản giao đất. Cụ thể:

+ Ông Hoàng Ngọc Tuấn và bà Nguyễn Thị Chúc (là vợ Nguyễn Tiến H4) mua chung 01 lô có diện tích 90m² với giá 100.000.000 đồng. Ông Tuấn, bà Chúc đã nộp cho BQL thôn số tiền 100.000.000 đồng (theo phiếu thu tiền ngày

12/01/2007). Ngày 05/11/2018, ông Tuấn đã chuyển nhượng cho bà Chức phần diện tích mua chung với bà Chức.

+ Hộ ông Nguyễn Bá Bi mua 02 lô đất, mỗi lô có diện tích 90m² với giá 100.000.000 đồng/1 lô. Hộ ông Bi đã nộp cho BQL thôn số tiền 55.000.000 đồng (theo Phiếu thu tiền ngày 09/01/2007), số tiền còn lại 145.000.000 đồng, ông Bi chưa nộp.

Tháng 02/2007, UBND xã Ngũ Thái phát hiện việc giao, bán đất trái thẩm quyền của BQL thôn Đồng Ngu (Nguyễn Tiến Hoà, Trưởng thôn) nhưng không ngăn chặn mà thực hiện thu số tiền 30.000.000 đồng của hộ ông Bi (theo Phiếu thu tiền ngày 13/02/2007). Sau đó, BQL thôn (do Nguyễn Đình Q - trưởng thôn) tiếp tục thu tiền mua đất còn thiếu của hộ ông Bi số tiền 84.000.000 đồng (theo Phiếu thu tiền ngày 5/9/2007 và ngày 06/01/2008). Sau khi thu tiền mua đất của hộ ông Bi, ngày 17/01/2008, BQL thôn nộp cho UBND xã Ngũ Thái số tiền 30.000.000 đồng (thể hiện tại sổ quỹ tiền mặt của BQL thôn Đồng Ngu) nhưng Phiếu thu tiền của UBND xã lại thể hiện là ngày 30/12/2007, BQL thôn Đồng Ngu nộp tiền với lý do UBND xã ghi sai ngày, tháng, nội dung nộp tiền “Nộp tiền giao đất ở hộ ông Nguyễn Bá Bi”.

Năm 2012, ông Bi có đưa cho Nguyễn Đình Q (trưởng thôn) số tiền 15.000.000 đồng để nhờ Q nộp cho UBND xã. Ngày 29/9/2012, Q nộp cho UBND xã số tiền 15.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền đất còn lại khu cạnh đình (lô 1)”. Như vậy, tổng số tiền thu của hộ ông Bi là 184.000.000 đồng.

- Căn cứ Công văn số 172 ngày 29/11/2021 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành và Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 08/4/2022 của HĐĐG huyện Thuận Thành xác định:

+ Hành vi giao, bán đất trái thẩm quyền diện tích đất 90m² cho ông Tuấn và bà Chức của BQL thôn Đồng Ngu tháng 1/2007 (Nguyễn Tiến Hoà - Trưởng thôn) gây thiệt hại cho ông Tuấn và bà Chức số tiền là 100.000.000 đồng (Do ông Tuấn, bà Chức không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

+ Hành vi giao, bán đất trái thẩm quyền diện tích đất 180m² cho hộ ông Bi của BQL thôn Đồng Ngu tháng 01/2007 (Nguyễn Tiến Hoà - Trưởng thôn); BQL thôn Đồng Ngu (Nguyễn Đình Q - Trưởng thôn) và UBND xã Ngũ Thái năm 2007 gây thiệt hại cho hộ ông Bi số tiền (184.000.000 đồng /02 lô = 92.000.000 đồng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 44.100.000 đồng (Do hộ ông Bi chỉ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ đối với 1 lô đất, còn 01 lô không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

+ Hành vi giao, bán đất trái thẩm quyền 03 lô đất trên của BQL thôn Đồng Ngu gây thiệt hại cho ông Bi, bà Chức, ông Tuấn số tiền 192.000.000 đồng (Do 02 lô không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 44.100.000 đồng (Do 01 lô đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

- Những cá nhân phải chịu trách nhiệm về số thiệt hại nêu trên gồm: BQL thôn Đồng Ngư tháng 01/2007 gồm: Nguyễn Tiến H4, Dương Anh T, Nguyễn Đức L.

- Đối với Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị T1, phía UBND xã do không biết các hộ dân mua đất nằm ngoài QĐ 591 nên không phải chịu trách nhiệm về số thiệt hại mà Nguyễn Tiến H4, Dương Anh T và Nguyễn Đức L gây ra.

2. Giai đoạn tháng 02/2007 đến tháng 12/2012:

Đỗ Hữu S, giữ chức vụ Bí thư chi bộ là người tổ chức họp chi bộ kết luận chủ trương bán đất; Nguyễn Đình Q, giữ chức vụ Trưởng thôn là người đề xuất, sau đó tổ chức triển khai; Dương Anh T, Kế toán thôn và Nguyễn Thị T1, Thủ quỹ thôn từ tháng 4/2007 là những người viết phiếu và thu tiền, giúp BQL thôn Đồng Ngư quản lý thu, chi số tiền bán đất.

Mặc dù không có Quyết định giao đất ở của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng để thực hiện chủ trương xây dựng các công trình phúc lợi tập thể tại thôn Đồng Ngư, trên cơ sở báo cáo đề xuất của Nguyễn Đình Q, trưởng thôn Đồng Ngư tại hội nghị Chi bộ thôn là tìm nguồn từ việc bán diện tích đất ao, đất thùng vũng, đất nông nghiệp công ích, đất do các hộ dân lấn chiếm lấy kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng trong thôn như làm đường bê tông, xây đình, xây chùa. Đỗ Hữu S đã tổ chức cuộc họp Chi bộ thôn Đồng Ngư để họp bàn, thống nhất thành Nghị quyết chi bộ về việc bán đất. Tổng số diện tích đất mà lãnh đạo thôn Đồng Ngư đã bán trái thẩm quyền trong thời gian từ 2007 đến 2012 là 5.337,5m², thu tổng số tiền 2.161.150.000 đồng. Tổng diện tích mà BQL thôn Đồng Ngư thu tiền đất hợp thức hóa phần đất lấn chiếm (bán phần diện tích đất dân đã lấn chiếm) là 1.268m² thu tổng số tiền 166.600.000 đồng. Tổng đã bán 6.605,5m² đất công ích, thu được tổng số tiền 2.327.750.000 đồng. Cụ thể:

2.1 Hành vi bán đất trái thẩm quyền năm 2007:

Năm 2007, BQL thôn Đồng Ngư đã giao, bán đất ở các khu vực ao ông Tung (hay còn gọi là ao Đình hoặc ao cá Béc Hồ), thùng lò Đồng Đó, chân lò ông Hách, ao Đồng Mài trong cho 08 hộ dân mua 07 lô (02 hộ mua chung 01 lô) thu tổng số tiền 323.450.000 đồng; thu tiền đất lấn chiếm (bán phần diện tích lấn chiếm) của 06 hộ dân là 86.200.000 đồng; tổng số là 409.650.000 đồng. Sau khi thu tiền, Q chỉ đạo T1 nộp cho UBND xã Ngũ Thái số tiền 147.000.000 đồng, số còn lại đã được nhập sổ quỹ tiền mặt và chi cho việc tu bổ đường làng và san lấp bãi đổ vật liệu để chuẩn bị xây dựng cổng Đình. Cụ thể:

+ Ngày 03/4/2007, Đỗ Hữu S tổ chức, chủ trì cuộc họp (hội nghị) chi bộ thôn Đồng Ngư. Tại cuộc họp này Nguyễn Đình Q đã báo cáo, xin ý kiến chi bộ nội dung “Cho BQL thôn hợp thức hoá 1 số diện tích đất ao, thùng vũng, đất nông nghiệp để lấy kinh phí xây dựng các công trình cho thôn”, “hợp thức hoá đất” là giao, bán diện tích đất ao, thùng vũng, đất nông nghiệp (là đất công ích do UBND xã Ngũ Thái quản lý nhưng chưa giao cho hộ dân nào quản lý, sử

dụng) cho các hộ dân trong thôn có nhu cầu mua sử dụng làm đất ở lâu dài và đề nghị Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với các hộ dân. Sau khi Nguyễn Đình Q báo cáo, có một số đảng viên đóng góp ý kiến và tất cả đảng viên tham dự cuộc họp đều đồng ý với nội dung Nguyễn Đình Q báo cáo. Sau đó, Đỗ Hữu S kết luận và đưa ra chủ trương là đồng ý về việc “hợp thức hoá đất” tức là giao, bán đất cho các hộ dân.

+ Căn cứ nghị quyết chi bộ, ngày 05/4/2007, Nguyễn Đình Q tổ chức, chủ trì cuộc họp Quân dân chính Đảng đưa ra vị trí, diện tích đất để “hợp thức hoá” giao, bán đất cho các hộ dân để báo cáo, xin ý kiến cuộc họp thì các thành viên tham gia cuộc họp đều đồng ý, thông qua.

+ Ngày 28/4/2007, Nguyễn Đình Q chủ trì, tổ chức cuộc họp Quân dân chính Đảng đưa ra giá đất để giao, bán cho các hộ dân thì các thành viên tham gia cuộc họp đều đồng ý, thông qua, kết luận nội dung: “Giá một số lô đất: Khu chân lò anh Hách 300.000 đồng/01m², Bãi sau nhà ông Sinh, Tung 150.000 đồng/01m², một suất giáp U.B 100.000 đồng/m²”.

+ Tại cuộc họp Chi bộ thôn ngày 03/9/2007 do Đỗ Hữu S tổ chức, chủ trì. Nội dung họp: Rà soát các hộ lấn chiếm, kế hoạch làm đường từ đền lên trên đồng. Tại cuộc họp Nguyễn Đình Q báo cáo, xin ý kiến nội dung: Làm đường đi trên đồng, vốn hiện nay có 170.000.000 đồng, cộng tiền do các hộ nợ tiền đất cũ + đất mới; Đất giãn dân khu sau làng; Đề xuất bán thêm lô 2 cạnh Đình; Một xuất giáp nhà ông Chiến. Đỗ Hữu S nhất trí kết luận nội dung: Bán đất tạo nguồn làm đường giao thông nội đồng.

Căn cứ vào các cuộc họp Chi bộ; các cuộc họp Quân dân chính Đảng nêu trên. Năm 2007, BQL thôn Đồng Ngư giao, bán đất trái thẩm quyền 07 lô diện tích 1.104,5m² đất công ích cho 08 hộ dân trong thôn; Thu tiền để hợp thức hóa đối với 462m² diện tích đất lấn chiếm của 06 hộ dân. Việc bán đất, BQL thôn Đồng Ngư thực hiện việc giao diện tích đất tại thực địa nhưng không lập biên bản giao đất.

- Tiến hành xác minh vị trí, loại đất, giá trị đất mà BQL thôn Đồng Ngư bán trái thẩm quyền năm 2007 xác định:

+ Trong 07 lô đất bán trái thẩm quyền hiện tại đã có 06 lô các hộ dân xây nhà kiên cố và sinh sống ổn định, 01 lô dân xây xưởng tôn chứa hàng hóa.

+ Tại Công văn số 132 ngày 21/12/2020; số 47 ngày 10/5/2021; số 23 ngày 15/02/2023 và số 67 ngày 27/3/2023 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành; Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 38 ngày 26/10/2021; số 10 ngày 08/4/2022; số 23 ngày 02/6/2022; số 43 ngày 01/11/2022 và số 05 ngày 24/3/2023 của HĐĐG trong TTHS huyện Thuận Thành xác định:

Năm 2007, BQL thôn Đồng Ngư giao, bán trái thẩm quyền diện tích đất 1.104,5m² cho 08 hộ dân, gây thiệt hại cho 06 hộ dân (do 06 hộ không đủ điều

điều kiện cấp GCNQSDĐ) số tiền 202.450.000 đồng; Gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 119.070.000 đồng (do 02 hộ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

Năm 2007, BQL thôn Đồng Ngr thu tiền đất lần chiếm (diện tích đất lần chiếm 462m²) của 06 hộ dân, gây thiệt hại cho 02 hộ dân (do không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) số tiền 6.500.000 đồng; Gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 117.634.000 đồng (04 hộ dân đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

Tổng thiệt hại năm 2007: 08 hộ dân thiệt hại số tiền 208.950.000 đồng; Nhà nước thiệt hại số tiền 236.704.000 đồng, tổng số là 445.654.000 đồng.

2.2 Hành vi bán đất trái thẩm quyền năm 2008:

Năm 2008, BQL thôn Đồng Ngr thực hiện việc giao, bán đất ở các khu vực ao bà Hương, ao đầu làng, ao sau làng (ao ông Hạc), lô 1 cạnh Đình, 01 lô đất xen kẹp ở khu vực lô 01 cạnh Đình cho 07 hộ dân thu 320.900.000 đồng, thu tiền đất lần chiếm của 02 hộ dân là 40.000.000 đồng, tổng thu là 360.900.000 đồng. Số tiền thu được nộp cho UBND xã Ngũ Thái 48.000.000 đồng, số còn lại đã được nhập sổ quỹ tiền mặt và chi cho việc làm đường đi Doãn Trên, xây bể Đền, công nhà văn hóa. Cụ thể như sau:

- + Tại Hội nghị chi bộ thôn Đồng Ngr ngày 03/01/2008 do Đỗ Hữu S tổ chức, chủ trì. Nội dung họp: Tạo nguồn làm đường. Tại cuộc họp, Nguyễn Đình Q báo cáo, xin ý kiến nội dung: Tạo nguồn làm đường từ việc bán các vị trí đất sau: 01 ô ao bà Hương cạnh nhà ông Tá, 02 xuất nhà ông Bi, 01 ô cạnh nhà ông Chiến. Sau các ý kiến đóng góp của một số đảng viên, Đỗ Hữu S kết luận: nhất trí tạo nguồn ở các khu vực trên để làm đường giao thông nội đồng.

- + Tại Hội nghị quân dân chính Đảng thôn Đồng Ngr ngày 05/01/2008 do Nguyễn Đình Q tổ chức, chủ trì. Nội dung họp: Để có vốn làm đường đi trên, thôn tiếp tục bán một số diện tích đất, bàn giá từng khu vực: cạnh đình 10 xuất, 02 xuất về Đông 500.000 đồng/m², 08 xuất về trong 300.000 đồng/m²; Ao ông Hạc 02 xuất = 280m² = 140m²/xuất, 1m² = 300.000 đồng/m²; 01 ô giáp nhà anh Tá (ruộng bà Hương) 400.000 đồng/m²; 02 ô ông Bi lô 01 cạnh đình, 01 ô giáp nhà ông Chiến thu theo giá cũ. Sau khi nghe một số ý kiến thì Nguyễn Đình Q kết luận nội dung: Hội nghị nhất trí với các nội dung trên.

- + Tiếp tục thực hiện Nghị quyết, chủ trương của Chi bộ tại cuộc họp Chi bộ ngày 03/9/2007 và căn cứ vào các cuộc họp Chi bộ; các cuộc họp Quân dân chính Đảng thôn Đồng Ngr năm 2008 nêu trên, BQL thôn Đồng Ngr giao, bán đất trái thẩm quyền 967m² đất công ích cho 07 hộ dân trong thôn; thu tiền để hợp thức hóa đối với 530m² diện tích đất lần chiếm của 02 hộ dân. Việc bán đất, BQL thôn Đồng Ngr thực hiện việc giao diện tích đất tại thực địa nhưng không lập biên bản giao đất.

- Tiến hành xác minh vị trí, loại đất, giá trị đất mà lãnh đạo thôn Đồng Ngr bán trái thẩm quyền năm 2008 xác định:

+ Trong 07 lô đất bán trái thẩm quyền hiện tại đã có 04 lô các hộ dân xây nhà kiên cố và sinh sống ổn định, 03 lô dân xây xưởng tôn, tường bao, san lấp trồng cây.

+ Tại các Công văn số 132 ngày 21/12/2020; số 47 ngày 10/5/2021; số 23 ngày 15/02/2023 và số 67 ngày 27/3/2023 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành; Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 38 ngày 26/10/2021; số 10 ngày 08/4/2022; số 23 ngày 02/6/2022; số 43 ngày 1/11/2022; số 23 ngày 02/6/2022 và số 05 ngày 24/3/2023 của HĐĐG tài sản trong TTHS huyện Thuận Thành xác định:

Năm 2008, BQL thôn Đồng Ngư giao, bán trái thẩm quyền 967m² cho 07 hộ dân, gây thiệt hại cho 06 hộ dân (do không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) số tiền 287.400.000 đồng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 25.872.000 đồng (do 01 hộ đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

Năm 2008, BQL thôn Đồng Ngư thu tiền đất lấn chiếm 530m² của 02 hộ dân (đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) gây thiệt hại cho Nhà nước 277.480.000 đồng.

Tổng thiệt hại năm 2008: 06 hộ dân thiệt hại số tiền 287.400.000 đồng, Nhà nước thiệt hại số tiền 303.352.000 đồng, tổng số là 590.752.000 đồng.

2.3 Hành vi bán đất trái thẩm quyền năm 2009 - 2010:

- Năm 2009, Đỗ Hữu S và Nguyễn Đình Q tổ chức các cuộc họp thống nhất nội dung bán đất nhưng do đất chưa hết thời hạn thuê nên năm 2010 mới triển khai việc bán. BQL thôn đã giao, bán diện tích ao Đồng Lớ cho 07 hộ dân, ao Công Miếu cho 01 hộ dân, ao Chùa cho 01 hộ dân, ao Ông Vị cho 02 hộ dân thu tổng số tiền 202.650.000 đồng; thu tiền đất lấn chiếm của 01 hộ dân là 7.000.000 đồng; tổng số 209.650.000 đồng. Đã nộp cho UBND xã 94.500.000 đồng, số còn lại được nhập sổ quỹ tiền mặt và chi cho việc xây dựng đường đi xã Hà Mãn, làm chợ khu Công Ba, đổ đường đi Doãn Thượng, xây chùa. Cụ thể như sau:

Ngày 05/3/2009, Đỗ Hữu S tổ chức, chủ trì họp chi bộ thôn Đồng Ngư. Cuộc họp có nội dung và kết luận: “tạo nguồn xây dựng các công trình phúc lợi của địa phương”.

Ngày 10/3/2009, Nguyễn Đình Q chủ trì Hội nghị quân dân chính đảng thôn Đồng Ngư nội dung: “thống nhất xin ý kiến giá thầu khu ao ông L” và kết luận có nội dung: “giá sàn khu ao trước cửa ông L là 1.200.000đ/m², tiến hành bỏ thầu và đặt cọc 70% giá trị bỏ thầu, sau đó gấp phiếu ô đất”.

Ngày 31/3/2009, Nguyễn Đình Q tổ chức, chủ trì Hội nghị họp dân có nội dung: “tìm nguồn xây dựng chùa và kế hoạch xây dựng chùa”. Kết luận có nội dung “Tạo nguồn: nhất trí tạo nguồn tận dụng ở các khu ao ông L, ao bà Hán, ao ông Chấn và khu 2 cạnh đình, được hội nghị nhất trí 100%”.

Ngày 28/11/2009, Nguyễn Đình Q tổ chức, chủ trì Hội nghị quân dân chính thôn, nội dung: “xin ý kiến về việc tìm nguồn xây dựng”. Kết luận nội dung: “nhất trí tạm thu nguồn trước để đổ ao công Ba và chi trả xây dựng chùa”.

Do lúc này diện tích ao Đồng Mài đang được hộ ông Nguyễn Đức L chưa hết thời hạn thuê nên chưa bán được. Ngày 01/02/2010, Nguyễn Đình Q tổ chức, chủ trì Hội nghị dân chính Đảng thôn, kết luận nội dung: “Nhất trí tạm thu tiền mua ao của hộ chị Hà Mệnh và chị Mùa Tham; Giá được tính, áp theo ô bên cạnh liền kề; Hội nghị nhất trí 9/9=100%”. 02 hộ dân trên đã nộp tiền tại cuộc họp, nội dung phiếu thu thể hiện: “Tạm thu tiền mua ao đồng Mài”.

Ngày 21/4/2010, Nguyễn Đình Q tổ chức, chủ trì Hội nghị Quân dân chính Đảng thôn. Nội dung hội nghị “Thông qua kế hoạch xây dựng sân, cổng chùa; Xét đơn đề nghị hợp thức đất lần chiếm; Đơn giá ao sau nhà ông Mùi: từ 100 - 150.000đ/1m², ao trước cửa nhà ông Hồng: 200.000đ/1m², ao trước cửa nhà bà Mối giá từ: 150 - 200.000đ/1m², ao trước cửa nhà anh Ký Gái: 100 - 150.000đ/1m²”.

Để giải quyết việc lần chiếm diện tích đất ao Đồng Lớ, ao ông Vị, ao Cổng Miếu, ao Chùa của một số hộ dân, BQL thôn đã thực hiện việc giao, bán diện tích đất ao trên cho các hộ dân sinh sống liền kề. Quá trình giao, bán diện tích đất ao cho các hộ dân, BQL thôn tiến hành đo đất, giao đất tại thực địa nhưng không lập biên bản giao đất. Để hợp thức việc giao, bán đất diện tích đất ao thì BQL thôn ký hợp đồng cho các hộ dân thuê thầu diện tích đất ao đã mua với thời hạn lâu dài, lâu năm.

- Tiến hành xác minh vị trí, loại đất, giá trị đất mà BQL thôn Đồng Ngu bán trái thẩm quyền năm 2010 xác định:

Tại Công văn số 172 ngày 29/11/2021; số 67 ngày 27/3/2023 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành; Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 07/4/2023 của HĐĐG tài sản trong TTHS huyện Thuận Thành xác định:

Năm 2010, BQL thôn Đồng Ngu giao, bán trái thẩm quyền diện tích đất ao Đồng Lớ cho 07 hộ dân; ao ông Vị cho 02 hộ dân; ao Cổng Miếu cho 01 hộ dân; ao Chùa cho 01 hộ dân với tổng diện tích 2.029m² gây thiệt hại cho 11 hộ dân tổng số tiền 202.650.000đ (11 hộ dân không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) và thu tiền đất lần chiếm diện tích 80m² của 01 hộ dân (không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) gây thiệt hại số tiền 7.000.000 đồng. Tổng số tiền thiệt hại năm 2010 cho các hộ dân là 209.650.000 đồng.

2.4 Hành vi bán đất trái thẩm quyền năm 2011:

Năm 2011, BQL thôn Đồng Ngu giao, bán diện tích đất ao Đồng Lớ cho 02 hộ dân, ao Đồng Mài cho 08 hộ dân thu tổng số tiền 1.329.500.000 đồng; thu tiền đất lần chiếm của 01 hộ dân 13.400.000 đồng; tổng số là 1.342.900.000 đồng. Số tiền thu được nộp cho UBND xã 400.000.000 đồng, số còn lại đã được nhập

sổ quỹ tiền mặt và chi cho việc xây T2 mầm non và cống rãnh thoát nước của thôn. Cụ thể:

Ngày 17/01/2011, Đỗ Hữu S tổ chức, chủ trì họp chi bộ có nội dung: “xin ý kiến giải quyết lần chiếm ao ông L”. Kết luận có nội dung: “Trích nghị quyết gửi Đảng ủy làm thủ tục, đề nghị UBND xã và cơ quan cấp trên làm thủ tục cho bán diện tích ao trước cửa ông L; Giao cho BQL thôn từng bước làm thủ tục, kế hoạch báo cáo ủy ban, giải quyết việc lần chiếm và cho thầu ao”.

Sau đó, BQL thôn đã tiến hành đo đạc, xác định diện tích ao Đồng Lớ chia thành 02 lô bán cho 02 hộ dân, diện tích ao Đồng Mài chia thành 08 lô đất có diện tích khác nhau để giao, bán cho 08 hộ dân.

Tại Công văn số 91 ngày 25/9/2020 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành; Kết luận định giá số 11 ngày 07/4/2023 xác định:

+ Năm 2011, BQL thôn Đồng Nư giao, bán trái thẩm quyền diện tích đất ao Đồng Lớ cho 02 hộ dân với tổng diện tích đất là 297m² gây thiệt hại cho 02 hộ dân (không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) số tiền 31.000.000 đồng và thu tiền đất lần chiếm diện tích 96m² của 01 hộ (đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ), gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 31.488.000 đồng.

+ Năm 2011, BQL thôn Đồng Nư giao, bán trái thẩm quyền diện tích đất ao Đồng Mài 940m² thuộc thửa đất số 474, tờ bản đồ số 5P thôn Đồng Nư cho 08 hộ dân gây thiệt hại cho các hộ dân (do 08 thửa đều không đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ) số tiền 1.298.500.000 đồng.

Tổng gây thiệt hại cho người dân số tiền 1.329.500.000 đồng, thiệt hại cho nhà nước số tiền 31.488.000 đồng; tổng số là 1.360.988.000 đồng.

2.5 Hành vi bán đất trái thẩm quyền năm 2012:

BQL thôn Đồng Nư thu tiền đối với 100m² đất lần chiếm của 01 hộ dân số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền trên đã được nhập sổ quỹ tiền mặt của thôn và chi vào việc mua thiết bị phục vụ trường mầm non thôn.

Căn cứ Công văn số 67 ngày 27/3/2023 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành; Kết luận định giá tài sản số 11 ngày 7/4/2023 của HĐĐG tài sản xác định: Năm 2012, BQL thôn Đồng Nư thu tiền đất lần chiếm của hộ ông Nguyễn Đăng Bản gây thiệt hại Nhà nước số tiền 42.800.000 đồng. (do hộ ông Bản đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ).

II. Hành vi giao, bán đất trái thẩm quyền của UBND xã Ngũ Thái:

1. Hành vi giao, bán đất trái thẩm quyền 180m² đất cho hộ ông Dương Quốc Tá:

Tháng 3/2007, Lê Xuân H5, Chủ tịch UBND xã Ngũ Thái đã chỉ đạo Nguyễn Đăng T3, cán bộ địa chính xã tiến hành đo đạc, cắm mốc, giao, bán diện tích đất 180m² thuộc 01 phần thửa đất số 440, tờ bản đồ 5 và 01 phần diện tích thửa đất số 213, tờ bản đồ 4 đều ở thôn Đồng Nư cho hộ ông Dương Quốc Tá.

Ngày 12/3/2007, Lê Xuân H5 chỉ đạo Nguyễn Hữu A - kế toán UBND xã lập phiếu thu, Nguyễn Đạt T2- thủ quỹ UBND xã thu số tiền 20.000.000 đồng của hộ ông Dương Quốc Tá đồng thời giao đất trên thực địa cho ông Tá nhưng không lập biên bản giao đất.

Căn cứ công văn số 23 ngày 15/02/2023 của Phòng TN & MT huyện Thuận Thành xác định: Phần diện tích 180m² trên đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 05 ngày 24/3/2023 của HĐĐG tài sản kết luận: “Giá trị diện tích đất 180m² thuộc 1 phần diện tích thửa đất số 440 tờ bản đồ 5, tỷ lệ 1/1000 và 1 phần diện tích thửa đất số 213, tờ bản đồ 4, tỷ lệ 1/2000 đều ở thôn Đồng Ngu, xã Ngũ Thái, huyện Thuận Thành tại thời điểm tháng 3/2007 là: 180m² x 134.000 đồng = 24.120.000 đồng”.

Như vậy, hành vi giao, bán trái thẩm quyền 180m² đất cho hộ ông Dương Quốc Tá của UBND xã Ngũ Thái tháng 3/2007 đã gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 24.120.000 đồng.

2. Đối với nội dung nhận tiền do BQL thôn Đồng Ngu nộp:

+ Năm 2007, BQL thôn Đồng Ngu nộp số tiền 147.000.000 đồng (thể hiện tại các phiếu thu tiền của UBND xã). Cụ thể: Ngày 12/3/2007 nộp 27.000.000 đồng, ngày 15/3/2007 nộp 40.000.000 đồng; ngày 08/5/2007 nộp 50.000.000 đồng, và điều ghi lý do nộp tiền là lý do nộp tiền “Nộp tiền hợp pháp hoá đất ở”; Ngày 30/12/2007, nộp 30.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền giao đất ở của hộ ông Nguyễn Bá Bi”. (Thực tế ngày 17/01/2008 BQL thôn mới nộp cho UBND xã số tiền này).

+ Năm 2008, BQL thôn Đồng Ngu nộp số tiền 48.000.000 đồng (thể hiện tại các phiếu thu tiền của UBND xã). Cụ thể: Ngày 03/02/2008 nộp 3.000.000 đồng, lý do nộp “Nộp tiền chỉnh lý bản đồ”; ngày 25/2/2008, nộp 40.000.000 đồng, lý do nộp “Nộp tiền hợp thức hoá đất ở”; ngày 25/4/2008 nộp 5.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền thầu khoán tận dụng”.

+ Năm 2010, BQL thôn Đồng Ngu nộp số tiền 94.500.000 đồng (thể hiện tại các phiếu thu tiền của UBND xã). Cụ thể: Ngày 20/6/2010, nộp 60.500.000 đồng, lý do nộp “Thu tiền thầu đất công ích”; ngày 08/10/2010, nộp 34.000.000 đồng, lý do nộp “Nộp tiền hợp thức hoá đất ở”.

+ Năm 2011, BQL thôn Đồng Ngu nộp số tiền 400.000.000 đồng (thể hiện tại các phiếu thu tiền của UBND xã). Cụ thể: Ngày 29/01/2011, nộp 200.000.000 đồng; ngày 31/01/2011, nộp 100.000.000 đồng; ngày 06/3/2011, nộp 60.000.000 đồng và điều ghi lý do nộp là “Tạm thu tiền thầu đất thôn Đồng Ngu”. Ngày 11/10/2011, nộp 20.000.000 đồng; ngày 22/10/2011, nộp 20.000.000 đồng và lý do nộp là “Nộp tiền thầu đất”.

Tổng số tiền mà BQL thôn Đồng Ngu nộp cho UBND xã Ngũ Thái từ năm 2007, 2008, 2010, 2011 là 689.500.000 đồng.

3. Đối với việc UBND xã Ngũ Thái trực tiếp thu tiền của một số hộ dân ở thôn Đồng Nư, thể hiện cụ thể:

Ngày 13/02/2007, ông Nguyễn Bá Bi nộp số tiền 30.000.000 đồng, lý do nộp “Nộp tiền giao đất ở”. (Đối với số tiền này tại phiếu thu và sổ quỹ tiền mặt của UBND xã thể hiện Nguyễn Tiến Hoà - Trưởng thôn Đồng Nư là người thực hiện việc giao, bán đất cho hộ ông Bi nộp tiền, lý do nộp tiền “Tạm giữ tiền giao đất sai quy định” nhưng thực tế Nguyễn Tiến Hoà không nộp số tiền này cho UBND xã mà UBND xã trực tiếp thu tiền của ông Nguyễn Bá Bi).

Ngày 12/3/2007, Dương Quốc Tá (Dương Văn Tá) nộp 20.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền thuê đất”.

Ngày 10/02/2008, Nguyễn Thị Mến nộp 10.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Hợp thức hoá đất ở”.

Ngày 10/02/2008, Nguyễn Văn Dư nộp 16.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền hợp thức hoá đất ở”.

Ngày 11/4/2010, Dương Văn Hồi nộp 4.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền hợp pháp hoá đất”.

Ngày 29/9/2012, Nguyễn Bá Bi (Nguyễn Đình Q nộp hộ) nộp số tiền 15.000.000 đồng, lý do nộp tiền “Nộp tiền đất còn lại khu cạnh Đình (lô 1)”.

Đối với ông Lê Xuân H5, ông Nguyễn Danh C với vai trò Chủ tịch UBND xã Ngũ Thái:

Năm 2007, 2008 UBND xã Ngũ Thái thu tiền của BQL thôn Đồng Nư với lý do thu tiền thể hiện tại các phiếu thu là “Hợp thức hoá đất” để lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ theo luật đất đai năm 2003 và Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ quy định về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân. Ông Lê Xuân H5 không được Nguyễn Đình Q báo cáo việc BQL thôn Đồng Nư bán đất.

Năm 2010, ông C, ông H5 không được Q báo cáo về việc giao bán đất ao. Việc thu tiền của một số hộ dân để hợp thức hóa đất theo Nghị định 84 và tiền cho thuê thầu đất công ích có thời hạn.

Năm 2011, ông Lê Xuân H5 giữ chức vụ bí thư Đảng uỷ và ông Nguyễn Danh C giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã được Nguyễn Đình Q báo cáo, xin ý kiến về việc “Để giải quyết việc lấn chiếm ao Đồng Mài đề nghị cho thôn Đồng Nư cho các hộ dân thuê thầu diện tích đất ao Đồng Mài với thời hạn là 5 năm” thì ông H5 và ông C đều đồng ý. Sau đó, tại cuộc họp giao ban giữa Đảng uỷ xã, HĐND xã và UBND xã đã thống nhất thu 50% số tiền thuê thầu ao của thôn Đồng Nư (thể hiện tại biên bản cuộc họp).

Khoảng cuối năm 2011, tại cuộc họp định kỳ HĐND xã có một số cử tri yêu cầu ông Nguyễn Danh C làm rõ việc BQL thôn Đồng Nư bán diện tích đất ao Đồng Mài và đã bán bao nhiêu xuất thì ông C giao cho ông Nguyễn Hữu Phán, cán bộ địa chính xã xác minh việc BQL thôn Đồng Nư cho các hộ dân thuê thầu diện tích đất ao Đồng Mài hay giao, bán diện tích đất ao Đồng Mài.

Sau khi xác minh, ông Phán báo cáo với ông C việc BQL thôn Đồng Ngư cho 07 hộ dân thuê thầu diện tích đất ao Đồng Mài với thời hạn 5 năm từ 2011 đến 2016 (có 07 hợp đồng thuê thầu kèm theo). Sau đó tại cuộc họp HĐND xã ngày 29/12/2011, ông Phán báo cáo trả lời trước HĐND xã về việc BQL thôn Đồng Ngư cho thuê thầu có thời hạn 05 năm (có biên bản cuộc họp kèm theo).

Năm 2013, Thanh tra huyện Thuận Thành có Kết luận thanh tra về việc quản lý đất đai của xã Ngũ Thái thì ông H5 mới biết việc năm 2007, 2008, 2010, 2011 BQL thôn Đồng Ngư giao, bán đất trái thẩm quyền cho các hộ dân và thu tiền đất lần chiếm của các hộ dân.

Ngoài lời khai của Nguyễn Đình Q thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác thể hiện ông Lê Xuân H5 được Nguyễn Đình Q báo cáo về việc giao, bán đất và thu tiền đất lần chiếm của các hộ dân nên không đủ căn cứ xác định ông Lê Xuân H5 biết, đồng ý, chỉ đạo BQL thôn Đồng Ngư giao, bán đất cho các hộ dân và thu tiền đất lần chiếm của các hộ dân nên không đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với ông Lê Xuân H5, ông Nguyễn Danh C.

Đối với kế toán, thủ quỹ thu tiền theo chỉ đạo của chủ tịch, không biết việc tiền thôn nộp là tiền giao bán đất trái thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận Thành tiến hành làm việc với các hộ dân mua đất của BQL thôn Đồng Ngư năm 2006, 2007, 2008, 2010, 2011 và nộp tiền đất lần chiếm cho BQL thôn Đồng Ngư năm 2007, 2008, 2010, 2011, 2012. Quá trình làm việc với các hộ dân trình bày diện tích đất đã mua và số tiền nộp phù hợp với tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận Thành thu thập được.

Với nội dung nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2024/HSST ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành xét xử và tuyên bố bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T và Nguyễn Thị T1 phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Áp dụng khoản 3, 4 điều 356; điều 38; điểm b, s, khoản 1, 2 điều 51 (điểm v, khoản 1, điều 51 đối với bị cáo Q); điểm g, khoản 1, điều 52; điều 54; điều 17; điều 58 Bộ luật hình sự; điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử phạt:

Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, mỗi bị cáo 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Dương Anh T 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Nguyễn Thị T1 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T và Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho UBND thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh số tiền 704.425.000 đồng (mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 176.106.000 đồng).

Truy thu số tiền 784.500.000 đồng của UBND xã Ngũ Thái; số tiền 644.780.000 đồng của Ban quản lý thôn Đồng Ngư để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử:

+ Ngày 26/4/2024, các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; không quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước vì số tiền các bị cáo thu sai đã sử dụng xây dựng các công trình của địa phương, bản thân các bị cáo không tư lợi cá nhân; giảm trừ phần thiệt hại theo QĐ số 591 của UBND huyện Thuận Thành giai đoạn 2006- 2006 là 45.981.000 đồng vì đã được cơ quan điều tra đã kết luận các bị cáo không phải chịu trách nhiệm; đề nghị xem xét lại phần thu của hộ bà Nguyễn thị Mến, ông Dương Quốc Tá, ông Dương Văn Dinh.

+ Ngày 29/4/2024, bị cáo Dương Anh T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh, mức hình phạt vì quá nặng và phần bồi thường thiệt hại cho Nhà nước là quá cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Tất cả 04 bị cáo đều xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xem xét lại số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước như án sơ thẩm tuyên là không phù hợp và đề nghị miễn số tiền bồi thường thiệt hại cho Nhà nước cho các bị cáo.

Các bị cáo đều trình bày: Mặc dù các bị cáo có hành vi phạm tội nhưng không tư lợi cá nhân mà xuất phát từ lợi ích của dân, toàn bộ số tiền các bị cáo thu được từ việc giao bán đất đều sử dụng vào việc xây dựng các công trình công ích của thôn, nộp vào quỹ của thôn và quỹ của UBND xã. Do vậy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử đối với các bị cáo là quá cao.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm:

Án sơ thẩm buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước trong thời gian từ năm 2005 đến tháng 12/2012 là 704.425.000 đồng là không chính xác, đề nghị xác định các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước trong thời gian từ 2007 đến 2012 là 614.344.000 đồng.

Số tiền các bị cáo thu được từ việc giao bán đất trái thẩm quyền được sử dụng vào việc xây dựng các công trình công ích của thôn, nộp vào quỹ của thôn và quỹ của UBND xã. Do vậy cần buộc UBND xã phải hoàn trả lại số tiền thiệt

hại cho Nhà nước là 704.425.000 đồng. Đối với số tiền còn lại do bị hại là các hộ dân chưa có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này các bị hại có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, đại diện VKS nhận thấy: Cả 4 bị cáo đều không có động cơ vụ lợi cá nhân. Tại phiên tòa phúc thẩm đã làm rõ, số tiền các bị cáo gây thiệt hại thấp hơn so với án sơ thẩm. Bị cáo Q có tình tiết giảm nhẹ mới nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, Q mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, giảm cho bị cáo T 06 tháng tù. Đối với bị cáo T1 có vai trò đồng phạm giúp sức thấp nhất, thực hiện theo sự chỉ đạo của cấp trên, hơn nữa bị cáo tuổi cao, bệnh tật nên đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm cho bị cáo từ 10 đến 15 tháng tù.

+ Luật sư bào chữa cho các bị cáo phát biểu tranh luận:

Đối với tội danh và trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, luật sư nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với cách tính xác định thiệt hại, luật sư đề nghị: Do các hộ dân mua đất hiện nay vẫn đang sử dụng và họ đều có đơn trình bày không bị thiệt hại gì, họ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm thiệt hại đối với người dân. Đối với số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho Nhà nước là 614.344.000 đồng, đề nghị chia đều cho 4 bị cáo, mỗi bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm $\frac{1}{4}$ đối với số tiền thiệt hại là 153.586.000 đồng do vậy các bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự. Hơn nữa chưa có văn bản pháp luật nào quy định đồng phạm cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với thiệt hại vì vậy theo hướng có lợi cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ngoài ra trong vụ án này, tất cả các bị cáo đều là Đảng viên và có nhân thân tốt, mặc dù các bị cáo có hành vi phạm tội nhưng đều xuất phát vì lợi ích của người dân, của địa phương, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt và xử phạt bị cáo S, Q mỗi bị cáo 24 tháng tù; bị cáo T, T1 mỗi bị cáo 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

+ Các bị cáo đồng ý với ý kiến của luật sư và không bổ sung gì thêm.

+ Đại diện Viện kiểm sát đối đáp với ý kiến của luật sư: Đây là vụ án đồng phạm, theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự thì các bị cáo phải cùng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm gây ra chứ không thể chia trách nhiệm hình sự như chia trách nhiệm để bồi thường dân sự. Đối với thiệt hại của người dân: Mặc dù bị hại là những người dân cam kết không bị thiệt hại gì và họ không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Đây là vấn đề về trách nhiệm dân sự chứ không liên quan đến trách nhiệm hình sự mà các bị cáo phải chịu. Vì vậy

quan điểm của luật sư là không có căn cứ nên đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm.

Trong lời nói sau cùng: Cả 4 bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra truy tố, xét xử vụ án của các cơ quan và người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, không bị khiếu nại. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị T1 và Dương Anh T có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định do vậy kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. HĐXX xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vì động cơ vụ lợi, vun vén cho lợi ích cục bộ của địa phương, mặc dù không có quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T, Nguyễn Thị T1 đã lợi dụng chức vụ là Bí thư chi bộ, trưởng thôn, kế toán, thủ quỹ của thôn Đồng Ngư, xã Ngũ Thái giai đoạn từ tháng 02/2007 đến năm 2012 đã tổ chức họp chi bộ, hội nghị quân dân chính bàn bạc, thống nhất giao bán và thu tiền đất lấn chiếm của các hộ dân trái quy định.

Tổng số tiền thực tế các bị cáo thu được từ việc giao, bán đất trái thẩm quyền; hợp thức hóa đất lấn chiếm là 2.327.750.000 đồng (cụ thể: giao, bán 35 lô tương ứng với 5.337,5m² thu được 2.161.150.000 đồng; hợp thức hóa 1268m² đất lấn chiếm, thu được 166.6000.000 đồng). Toàn bộ số tiền trên các bị cáo nộp vào quỹ của thôn, chi vào việc xây dựng các công trình của thôn và nộp vào quỹ của UBND xã.

Hành vi giao, bán trái thẩm quyền 35 lô đất với tổng diện tích 5.337,5m² của các bị cáo đã gây thiệt hại cho 32 hộ dân mua đất số tiền 2.022.000.000 đồng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 144.942.000 đồng. Thu tiền đất lấn chiếm trái quy định của 11 hộ dân với tổng diện tích 1.268m², gây thiệt hại cho 03 hộ dân số tiền 13.500.000 đồng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 469.402.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo gây thiệt hại cho người dân và nhà nước là 2.649.844.000 đồng (bao gồm gây thiệt hại cho người dân số tiền 2.035.500.000 đồng, gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 614.344.000 đồng). Trong đó các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T phải chịu trách nhiệm hình sự về

toàn bộ số tiền thiệt hại là 2.649.844.000 đồng. Riêng bị cáo Nguyễn Thị T1 chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền thiệt hại là 2.531.154.000 đồng.

Do hành vi của các bị cáo thực hiện khi Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực. Căn cứ Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc thi hành Bộ luật hình sự, áp dụng nguyên tắc có lợi cho các bị cáo. Vì vậy Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Nguyễn Thị T1, Dương Anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, không những gây thiệt hại cho Nhà nước, cho cá nhân mà còn làm ảnh hưởng đến uy tín của cán bộ cơ sở trong quá trình thực thi nhiệm vụ, gây nên tình trạng khiếu kiện phức tạp, kéo dài ở nông thôn vì vậy cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có mục đích tư lợi cá nhân nên Bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo là phù hợp.

Xét kháng cáo liên quan đến xác định thiệt hại, truy thu tiền sung quỹ và trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước của 04 bị cáo thì thấy:

Án sơ thẩm xác định số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước trong thời gian từ năm 2006 đến tháng 01/2007 đối với hành vi giao, bán thửa diện tích so với QĐ số 591 của BQL thôn Đồng Ngư là 45.981.600 đồng và những cá nhân phải chịu trách nhiệm liên quan đến thiệt hại này gồm có Nguyễn Tiến H4 (trưởng thôn), Dương Anh T (kế toán thôn), Nguyễn Đức L (thủ quỹ thôn), Lê Xuân H5 (chủ tịch UBND xã Ngũ Thái), Nguyễn Hữu A (kế toán xã), Nguyễn Đạt T2 (thủ quỹ xã); Số tiền gây hại cho Nhà nước hành vi giao, bán 03 lô đất nằm ngoài QĐ số 591 là 44.100.000 đồng, gây thiệt hại cho các hộ dân là 192.000.000 đồng và xác định những cá nhân phải chịu trách nhiệm liên quan đến thiệt hại này gồm có Nguyễn Tiến H4 (trưởng thôn), Dương Anh T (kế toán thôn), Nguyễn Đức L (thủ quỹ thôn). Tuy nhiên, các đối tượng thực hiện hành vi trong thời gian từ năm 2005 đến tháng 02/2007 đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không xử lý nhưng án sơ thẩm lại buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hình sự và phải bồi thường số tiền thiệt hại trong thời gian này trong vụ án là không đúng. Do vậy các bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với số tiền gây thiệt hại cho Nhà nước trong thời gian từ tháng 02/2007 đến tháng 12/2012 là 614.343.400 đồng.

Đối với số tiền thực tế mà các bị cáo thu được từ việc giao, bán đất trái thẩm quyền từ tháng 02/2007 đến tháng 12/2012 là 2.327.750.000 đồng. Trong đó nộp cho UBND xã Ngũ Thái 689.500.000 đồng, UBND xã trực tiếp thu của các hộ

dân là 95.000.000 đồng, tổng số 784.500.000 đồng. Số tiền còn lại chi trả cho các công trình phúc lợi của thôn như làm đường đi, xây công nhà văn hóa, xây bể Đền, làm chợ, xây chùa, xây trường Mầm non, mua trang thiết bị phục vụ trường mầm non... và nhập vào sổ quỹ tiền mặt của thôn 644.780.000 đồng. Như vậy toàn bộ số tiền mà các bị cáo đã nhập vào sổ quỹ tiền mặt của xã và của thôn phải trả lại cho các bị hại. Tuy nhiên án sơ thẩm lại tuyên truy thu sung quỹ Nhà nước là không đúng mà cần buộc UBND xã Ngũ Thái trả lại cho Nhà nước số tiền bị thiệt hại là 704.425.000 đồng (bao gồm giai đoạn năm 2005 đến tháng 02/2007 là 90.081.600 đồng, giai đoạn từ 2007 đến 2012 là 614.344.000 đồng). Đối với số tiền còn lại tại quỹ của UBND xã Ngũ Thái và quỹ của thôn Đồng Ngư do bị hại là các hộ dân chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án. Nếu sau này các bị hại có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của 04 bị cáo thì thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định thiệt hại do các bị cáo gây ra thấp hơn so với thiệt hại mà án sơ thẩm đã quy kết, các bị hại và nhân dân thôn Đồng Ngư tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ cho các bị cáo. Bị cáo Q xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã có công cứu giúp cháu Nguyễn Minh Đức bị đuối nước và được tặng Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo T1 là người giúp sức, chấp hành theo sự chỉ đạo của cấp trên nên có vai trò thấp nhất. Bản thân bị cáo đã cao tuổi, bệnh tật, ốm đau thường xuyên vì vậy cần áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 356 Bộ luật hình sự: Cấm các bị cáo đảm nhiệm các chức vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai và quản lý hành chính nhà nước trong thời hạn từ 01 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Do các bị cáo Q và T1 đều đã cao tuổi, hết tuổi có thể tiếp tục giữ chức vụ công tác nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Q và T1.

Đối với ý kiến của luật sư: Đề nghị áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, đề nghị chia đều số tiền thiệt hại của nhà nước cho 4 bị cáo để xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự và cho các bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với các nhân phải chịu trách nhiệm liên quan đến số tiền thiệt hại trong giai đoạn từ 2006 đến tháng 1/2007 gồm Nguyễn Tiến H4 (trưởng thôn), Dương Anh T (kế toán thôn), Nguyễn Đức L (thủ quỹ thôn), Lê Xuân H5 (chủ tịch UBND xã Ngũ Thái), Nguyễn Hữu A (kế toán xã), Nguyễn Đạt T2 (thủ quỹ xã) nhưng án sơ thẩm không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là thiếu người tham gia tố tụng. Nhưng do các

hộ dân bị thiệt hại chưa yêu cầu giải quyết bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Từ nhận định trên cần chấp nhận kháng cáo của 04 bị cáo đối với việc xác định thiệt hại, trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Nhà nước, truy thu tiền sung quỹ Nhà nước và giảm nhẹ hình phạt cho 04 bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T, Nguyễn Thị T1; sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đỗ Hữu S 05 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s, v, u khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Q 05 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3,4 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Dương Anh T 05 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T1 03 năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Cấm các bị cáo Đỗ Hữu S, Dương Anh T đảm nhiệm chức vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai và quản lý hành chính Nhà nước trong thời hạn 01 năm, kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng Điều 347 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bắt, tạm giam các bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T, Nguyễn Thị T1 mỗi bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc UBND xã Ngũ Thái, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh phải trả lại số tiền 704.425.000 đồng để bồi thường thiệt hại cho UBND thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Trả lại bị cáo Đỗ Hữu S, Nguyễn Đình Q, Dương Anh T mỗi bị cáo số tiền 50.000.000 đồng (Theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 20/2/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thuận Thành và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành).

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị T1 số tiền 20.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002299 ngày 26/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 - CA tỉnh BN;
- Trại tạm giam CA tỉnh BN;
- TAND thị xã Thuận Thành;
- CQCSĐT, VKS thị xã Thuận Thành;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Thu